

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **176/2022/HS-PT**

Ngày: 27/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Ngọc Sâm.

2. Ông Trần Duy Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 162/2022/TLPT-HS ngày 16 tháng 6 năm 2022, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HSST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk.

Họ và tên bị cáo: **Nguyễn Văn N** - Sinh năm 1963, tại tỉnh Quảng Trị; Nơi cư trú: Hẻm 267/35 đường Đ, Phường T, Thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giáo viên; Con ông: Nguyễn Việt V (đã chết); con bà: Nguyễn Thị M (đã chết); Vợ: Hoàng Thị Tuyết N - Sinh năm: 1970; Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2003. Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Quyết định số 04/QĐ-SGDĐT ngày 25/11/2013 của Giám đốc Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh L xử lý kỷ luật với hình thức “Khiển trách” về các vi phạm: Thực hiện chưa đúng quy trình trong việc tiếp công dân; thiếu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng khuôn dấu của trường dẫn tới một số học bạ bị tẩy sửa trái phép và ký không một học bạ. Chậm trễ trong việc xử lý kỷ luật học sinh.

- Tại Quyết định số 69/QĐ-KTHU ngày 02/10/2013 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy huyện Đ xử lý kỷ luật về mặt Đảng với hình thức “Cảnh cáo” về hành vi vi phạm: Thiếu trách nhiệm trong việc tiếp nhận đơn tố cáo của công dân; lợi dụng chức vụ,

quyền hạn để thực hiện hành vi trái pháp luật (ký khống cho một trường hợp, chỉ đạo cho nhân viên văn thư giao khuôn dấu Trường Trung học phổ thông Buôn Đôn cho người không có trách nhiệm quản lý, sử dụng một cách trái phép); nhiều học bạ bị tẩy sửa trái phép và 02 học bạ có chữ ký giả mạo; không kỷ luật đối với học sinh của trường vi phạm pháp luật trong trường.

(Bị cáo được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N:

1. Bà Hoàng Thị D – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư H – Đoàn luật sư thành phố N. Địa chỉ: Phòng 202, tòa nhà N3B, đường L, quận X, thành phố Hà Nội (Có mặt);

2. Ông Hoàng Văn H – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư H – Đoàn luật sư thành phố N. Địa chỉ: Phòng 202, tòa nhà N3B, đường L, quận X, thành phố Hà Nội (Có mặt);

3. Ông Hoàng Văn Q – Luật sư thuộc Công ty luật F – Đoàn luật sư thành phố M. Địa chỉ: 324 đường T, Tổ dân phố B, đường N, Thành phố G, tỉnh Đắk Nông (Có mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Thái H - Sinh năm 1988. Trú tại: Số 223/54/15/24, đường S, phường T, Tp. N, tỉnh Bình Định (Vắng mặt);

Người làm chứng:

1. Bà Hoàng Thị Thúy H – Sinh năm 1984. Trú tại: Hẻm 253, đường Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

2. Ông Trần Quốc T – Sinh năm 1971. Trú tại: 29 đường T, phường T, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3. Ông Phạm Thanh T – Sinh năm 1986. Trú tại: Thôn B, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

4. Bà Đặng Thị Quỳnh P – Sinh năm 1984. Trú tại: Thôn M, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

5. Ông Phan Văn C – Sinh năm 1979. Trú tại: Thôn M, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

6. Ông Nguyễn Công T – Sinh năm 1978. Trú tại: Thôn B, xã E, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

7. Bà Nguyễn Thị Thanh Q – Sinh năm 1989. Trú tại: 223/54/15/24 đường S, phường T, thành phố N, tỉnh Bình Định (Vắng mặt);

8. Bà Lê Trần Kim N – Sinh năm 1993. Trú tại: Thôn C, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N, nguyên là Hiệu trưởng Trường trung học phổ thông N, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk và ông Lê Thái H, nguyên là giáo viên dạy môn Thể dục, giáo dục quốc phòng an ninh tại Trường trung học phổ thông N. Tháng 09/2014 vợ của ông Lê Thái H sinh đôi, nên ngày 08/01/2015 ông H làm đơn xin nghỉ việc không lương (Từ ngày 01/01/2015 đến 30/5/2015) để về thành phố N, tỉnh Bình Định; H đã làm đơn trình bày lý do xin nghỉ với tổ bộ môn Thể dục, giáo dục quốc phòng an ninh và được ông Phạm Thanh T là Tổ trưởng bộ môn và bà Hoàng Thị Thúy H chủ tịch công đoàn ký xác nhận. Sau đó ông H mang đơn đề nghị lên Nguyễn Văn N là Hiệu trưởng nhà trường cho nghỉ với nội dung theo đơn. Tuy nhiên, sau khi nhận đơn của ông H, N không có ý kiến xác nhận vào đơn mà chỉ nói trực tiếp với H là việc giải quyết nghỉ rất khó khăn nên đơn xin nghỉ việc không lương của ông H không được N chấp thuận. Ngày 20/01/2015, ông H đã đến nhà riêng của N tại thôn B, xã E, huyện Đ để tiếp tục xin nghỉ dạy; quá trình trao đổi N chỉ đồng ý cho H nghỉ 03 tuần trước khi có lịch nghỉ tết Nguyên đán năm 2015; (Theo ông H khai thì để được bị cáo N đồng ý cho nghỉ, ông H đã đưa cho N 4.000.000 đồng, tuy nhiên sự việc này N bác bỏ không thừa nhận). Sau khi đồng ý cho ông H nghỉ về thành phố N, tỉnh Bình Định, N đã trực tiếp chỉ đạo ông Trần Quốc T là Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn và ông Phạm Thanh T tổ trưởng bộ môn vẫn giữ nguyên tên của ông H trong lịch giảng dạy, nhưng hợp thức hóa phân công giáo viên khác dạy thay, mục đích để ông H vẫn được hưởng nguyên lương mà không bị cấp trên phát hiện.

Trong thời gian về Bình Định, H muốn nghỉ dạy dài hơn, do vậy vào khoảng cuối tháng 01/2015 (không rõ ngày), H liên lạc qua điện thoại với N để xin nghỉ dạy dài ngày (khoảng 03 tháng). Thông qua liên lạc này, H gợi ý đưa tiền cho N, đồng thời hứa hẹn mỗi tháng được giải quyết nghỉ sẽ gửi cho N từ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đến 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). N đã đồng ý và H chủ động xin số tài khoản và N đã đọc số tài khoản (5213205020327) của mình mở tại Chi nhánh Ngân hàng N huyện Đ cho H để H chuyển tiền vào tài khoản cho N, toàn bộ việc trao đổi giữa H và N cũng như giao dịch chuyển tiền cho N đều được H ghi âm lưu giữ lại. Sau khi đã thỏa thuận xong, ngày 02/02/2015, Lê Thái H đến Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Đ chuyển 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) từ tài khoản của mình (5213007216402) vào số tài khoản (5213205020327) của N theo giao dịch tại hóa đơn số 02020190000020 của Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Đ. Tiếp đó vào ngày 09/02/2015, H đến Ngân hàng N - Chi nhánh Đ chuyển số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) từ tài khoản của mình vào số tài khoản của N theo chứng từ giao dịch hóa đơn số 02090159000077 thiết lập vào

ngày 09/02/2015. Đây là số tiền H gửi cho N theo thỏa thuận trước vì N đã giải quyết cho H nghỉ dạy mà vẫn hưởng nguyên lương tháng 01 và tháng 02/2015.

Nguyễn Văn N mặc dù nhận thức được việc cho Lê Thái H nghỉ dạy học dài ngày mà vẫn hưởng nguyên lương là trái quy định, không thuộc thẩm quyền của N. Nhưng để hợp thức hóa việc Lê Thái H nghỉ dạy học dài ngày mà vẫn được hưởng nguyên lương, N đã chủ trì các buổi họp của nhà trường chỉ đạo cấp dưới hợp thức hóa tên của H trong lịch phân công giảng dạy của nhà trường nhưng lại phân công các giáo viên khác dạy thay tạo điều kiện cho H nghỉ dạy từ ngày 20/01/2015, tháng 02/2015 và tháng 03/2015 nhưng vẫn được hưởng lương.

Cuối tháng 03/2015 Lê Thái H vẫn không đến trường để tiếp tục việc giảng dạy nên Nguyễn Văn N mới bắt đầu triệu tập họp Hội đồng giáo dục nhà trường đề nghị phân công lại chuyên môn, xóa tên H trong lịch giảng dạy và phân công giáo viên khác đảm nhận, đồng thời tự ý cắt lương tháng 4/2015 của Lê Thái H khi chưa báo cáo với Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh L.

Do không được N tiếp tục cho nghỉ dạy như đã thỏa thuận nên ngày 13/4/2015, ông H làm đơn tố cáo Nguyễn Văn N gửi đến Thanh tra Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh L. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh L đã tiến hành thanh tra và ban hành Kết luận số 939/KT-SGDĐT, ngày 20/8/2015, nội dung: “Việc Nguyễn Văn N giải quyết cho ông H nghỉ dạy dài ngày khi ông H không xin phép từ tổ, chỉ xin phép bằng miệng và qua điện thoại, việc cắt lương của ông H từ tháng 4/2015 khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền là không thực hiện theo đúng quy trình và không đúng với quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Sở giáo dục đào tạo và UBND tỉnh L”; “việc H tố cáo N nhận tiền của ông H như đơn tố cáo là chưa đủ cơ sở kết luận về việc đưa và nhận hối lộ”.

Không đồng ý với kết luận số 939/KL-SGDĐT, ngày 20/8/2015 của Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh L, ông H tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Thanh tra tỉnh L. Thanh tra tỉnh đã tiếp nhận và thẩm tra, xác minh, ngày 24/02/2016 Thanh tra tỉnh L đã có công văn số 39/TTr-NV4 kiến nghị khởi tố, đồng thời chuyển vụ việc nêu trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn để điều tra do vụ việc có dấu hiệu của hành vi “đưa, nhận hối lộ” giữa Nguyễn Văn N và Lê Thái H.

Ngày 08/7/2016 Nguyễn Văn N đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) để khắc phục hậu quả. Trong đó 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) trả lại cho H, còn 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) bồi thường chi phí đi lại cho H.

Tại bản kết luận giám định số 4015/C54(P6) ngày 07/10/2016 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an xác định giọng nói trong 03 file ghi âm mà Lê Thái H giao nộp cho Cơ quan điều tra là của Nguyễn Văn N và Lê Thái H. Nội dung các file ghi âm được

dịch ra bằng văn bản trong đó thể hiện rõ việc ông H xin nghỉ dạy, hứa hẹn đưa tiền cho Nguyễn Văn N, ông H xin số tài khoản ngân hàng và được N đọc cho ghi lại số tài khoản và nội dung Lê Thái H gợi ý đưa tiền cho N.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn N đã thừa nhận toàn bộ hành vi giao nhận tiền, để cho Lê Thái H nghỉ dạy không đúng quy định vì mục đích vụ lợi cá nhân, lời khai của N hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án (BL 33 – 38; 51 – 55).

Sau đó Nguyễn Văn N có đơn xin thay đổi lời khai và không thừa nhận hành vi của mình, khai báo quanh co chối tội; N khai số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) do Lê Thái H chuyển khoản hai lần là để trả nợ, vì trước đó H mượn của N hay tiền hoa hồng H nhận làm bảng tên cho học sinh hoặc H đi tết cuối năm cho N, chứ không phải nhận tiền hối lộ để cho H nghỉ dạy dài ngày mà vẫn hưởng nguyên lương và có đơn yêu cầu giám định lại.

Tại Bản kết luận giám định số 2531/C09 – P6, ngày 13/9/2019, Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, sửa chữa trong các file ghi âm nêu trên.

Đối với tiền lương tháng 01/2015, tháng 02/2015 và tháng 03/2015 mà Lê Thái H đã nhận là 22.142.619 đồng (hai mươi hai triệu một trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm mười chín đồng) thì trong đó ông H tham gia công tác thực tế ở trường THPT Trần Đại Nghĩa đến ngày 20/01/2015 nên số tiền được hưởng là 4.920.582 đồng là đúng quy định, còn lại 17.222.037 đồng là số tiền nhận trái quy định.

Quá trình xét xử:

Tại Bản án sơ thẩm số **23/2018/HSST** ngày 01/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 279; điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 (Hai) năm tù về tội “Nhận hối lộ”.

Nguyễn Văn N kháng cáo, tại Bản án phúc thẩm số **86/2019/HSPT** ngày 25/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2018/HSST ngày 01/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn và giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn điều tra lại theo thủ tục chung.

Tại bản án sơ thẩm số **27/2020/HS-ST** ngày 29/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 354, điểm b Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 (Hai) năm tù về tội “Nhận hối lộ”.

Nguyễn Văn N kháng cáo, tại Bản án phúc thẩm số **51/2021/HSPT** ngày 08/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 27/2020/HS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Tại Quyết định số **31/2021/HS-GĐT** ngày 08/7/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 55/QĐ-VC2 ngày 26/4/2021 Viện trưởng Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng. Hủy Bản án sơ thẩm số 27/2020/HS-ST ngày 29/9/2020 và Bản án phúc thẩm số 51/2021/HSPT ngày 08/02/2021 để điều tra lại theo đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số **10/2022/HS-ST** ngày 27/4/2022, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 354, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 07 (bảy) năm tù về tội "*Nhận hối lộ*".

Kháng cáo:

Ngày 09/5/2022 bị cáo Nguyễn Văn N kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn N xin thay đổi một phần nội dung kháng cáo, không kháng cáo kêu oan nhưng đề nghị HĐXX xem xét lại toàn bộ hành vi của bị cáo, việc bị cáo nhận 5.000.000đ của ông H là có thật nhưng bị cáo nghĩ đây là tiền ông H trả nợ cho bị cáo. Trường hợp Tòa án xác định đó là tiền nhận hối lộ và xét xử bị cáo về tội nhận hối lộ thì đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận giọng nói trong các file ghi âm cuộc nói chuyện qua điện thoại giữa bị cáo và Lê Thái H là đúng của bị cáo, và có đọc số tài khoản của mình cho H để H chuyển số tiền 5.000.000đ. Bị cáo cho rằng bị cáo nhận tiền của ông H vào các ngày 02/2/2015 và 07/2/2015 nhưng bị cáo nhớ là cuộc hội thoại giữa bị cáo và ông H mà ông H đã nộp cho cơ quan điều tra diễn ra vào ngày 13/02/2015, sau khi bị cáo nhận tiền của H nên hành vi của bị cáo không phải là nhận hối lộ. Bị cáo thừa nhận đã cho H nghỉ dạy trước 03 tuần, trước khi có lịch nghỉ tết và nhận thức được việc cho H nghỉ dạy dài ngày mà vẫn được hưởng nguyên lương, nhưng không báo với Sở giáo dục tỉnh Đắk Lắk là trái quy định pháp luật, nhưng vì tình cảm đồng nghiệp và cho H nghỉ để về chăm sóc vợ con là theo luật bảo hiểm năm 2014.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm: Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Nguyễn Văn N 07 năm tù về tội "*Nhận hối lộ*", theo khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có thay đổi lời khai thừa nhận hành vi nhận tiền của ông H nhưng hành vi đó có cấu thành tội nhận hối lộ hay không thì đề nghị HĐXX xem xét, nếu hành vi đó phạm tội nhận hối lộ thì đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra bị cáo đã xuất trình một số giấy khen trong quá trình công tác trong đó có kỉ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục. Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, có nhiều thành tích trong công tác. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 354, điểm s, v khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357

Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 05 năm đến 06 năm tù.

Các Luật sư trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo:

Về tố tụng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã không thu giữ chiếc điện thoại mà ông H đã dùng để ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông H và ông N để giám định là không đảm bảo quy định về nguồn chứng cứ.

Kết luận giám định lại không đảm bảo tính khách quan, người giám định lần đầu lại là người giám định lần sau, luật giám định tư pháp quy định trong trường hợp các kết luận giám định của mâu thuẫn, khác nhau thì phải thành lập hội đồng giám định và phải có ít nhất 03 thành viên trở lên. Trong trường hợp của ông N thì vẫn chỉ có 01 người là vi phạm pháp luật về giám định.

Về nội dung: Bị cáo N đã cho ông H nghỉ dạy từ ngày 21/01/2015 là do hoàn cảnh gia đình của ông H chứ không hề có mục đích động cơ hứa hẹn gì, cơ quan tiến hành tố tụng kết luận ông N gây khó khăn và phải có chi phí đi tết cấp trên là không có căn cứ; Ông H là người chủ động đưa hối lộ, đủ yếu tố cấu thành tội “Đưa hối lộ” theo Điều 364 BLHS nhưng không bị xử lý là bỏ lọt tội phạm.

Do có những vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, bỏ lọt tội phạm, luật sư bào chữa đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Luật sư Quang bào chữa bổ sung: Trong trường hợp HĐXX vẫn xác định hành vi của ông N đã phạm tội Nhận hối lộ thì đề nghị HĐXX áp dụng điểm s, v khoản 1 Điều 51 và Điều 54 bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo N ở mức thấp nhất. Bởi lẽ, bị cáo nguyên là Đảng viên đảng cộng sản nhiều năm, có cống hiến cho ngành giáo dục, đã tự nguyện bồi thường, khai báo thành khẩn và có nhiều thành tích trong công tác để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Kiểm sát viên có ý kiến đối đáp: Bị cáo N cho ông H nghỉ dạy từ ngày 21/01/2015 đến ngày 28/3/2015, đã vượt quá quyền hạn nhiệm vụ được giao, vì bị cáo là Thủ trưởng đơn vị chỉ được giải quyết cho Giáo viên nghỉ 01 ngày theo quy định tại Khoản 2 Điều 116 của Bộ luật Lao động năm 2012. Về ý kiến của Luật sư về việc thu thập tài liệu chứng cứ, xét thấy trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung không khởi tố đối với Lê Thái H tội “Đưa hối lộ” vì Lê Thái H đã chủ động tố cáo hành vi “Nhận hối lộ” của Nguyễn Văn N, đồng thời tích cực hợp tác khai báo giúp Cơ quan điều tra làm rõ vụ án. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn căn cứ khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự, không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Lê Thái H là phù hợp. Do đó, VKS giữ nguyên quan điểm.

Bị cáo tranh luận bổ sung: Bị cáo thừa nhận có nhận 5.000.000đ của ông H và biết rằng việc nhận tiền đó là sai nhưng bị cáo nghĩ đó không phải là tiền nhận hối lộ mà là tiền H trả nợ cho bị cáo, bị cáo là giáo viên nhận thức về pháp luật còn rất

mơ hồ nên đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo. Trong hồ sơ vụ án có nhiều tài liệu đánh số bút lục có dấu hiệu tẩy xóa, việc đó có thể là do cơ quan điều tra đã thêm bớt tài liệu trong hồ sơ. Đề nghị HĐXX trưng cầu giám định các tài liệu là Bút lục 102,112,164,165 trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Bị cáo phạm tội vào năm 2015 nhưng bị xét xử lại vào năm 2022. Vì vậy, để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14. Xét quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn truy tố Nguyễn Văn N tội “Nhận hối lộ” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 354 của Bộ luật hình sự năm 2015 là phù hợp.

[2] Về tội danh: Xét thấy tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi nhận tiền của H là sai nhưng không thừa nhận hành vi nhận hối lộ, bị cáo nhận tiền của H nhưng không có mục đích vụ lợi, bị cáo cho rằng đây là khoản tiền H trả nợ. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại các phiên tòa bị cáo không đưa ra được các tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Trong khi đó các tài liệu là “*Bản dịch 03 File ghi âm*” do Lê Thái H cung cấp (đã được giám định) không có dấu hiệu cắt ghép, sửa chữa, thể hiện nội dung trao đổi giữa Nguyễn Văn N và Lê Thái H. Tại “*File ghi âm Track 01 và File ghi âm Track 02*” anh H xin nghỉ dài ngày và gợi ý cho N tháng đầu 3.000.000 đồng, tháng sau trở đi mỗi tháng gửi 2.000.000 đồng thì N đồng ý. Anh H xin số tài khoản và được N đọc số tài khoản của mình cho anh H, anh H đã hai lần chuyển tiền vào tài khoản của N, cụ thể ngày 02/02/2015 chuyển 3.000.000 đồng và ngày 09/02/2015 chuyển 2.000.000 đồng. Quá trình làm việc với thanh tra Sở giáo dục tỉnh L tiến hành các ngày 09/6/2015 và 25/6/2015 (BL 454 đến BL 457), cũng như trong giai đoạn điều tra, tại cơ quan điều tra Công an huyện Buôn Đôn bị cáo N đều thừa nhận giọng nói trong đĩa CD 3 file ghi âm mà Lê Thái H cung cấp chính là giọng nói của bị cáo và nội dung trong 03 file ghi âm này đúng là nội dung trao đổi giữa H và bị cáo N. Toàn bộ nội dung cuộc nói chuyện không thể hiện H chuyển tiền để thanh toán cho N khoản vay nào, cũng như không có việc H gửi tiền nhờ đi quà cáp trên.

Như vậy, thời gian từ tháng 01 đến tháng 03/2015, Nguyễn Văn N nguyên là hiệu trưởng trường THPT N, huyện Đ vì động cơ vụ lợi cá nhân đã có hành vi lạm dụng chức vụ quyền hạn của mình để cho Lê Thái H là giáo viên dạy môn Thể dục, giáo dục quốc phòng an ninh nghỉ dạy học từ ngày 20/01/2015 đến ngày 28/03/2015

mà vẫn cho hưởng nguyên lương trái quy định để nhận tiền hồi lộ. Do đó, tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội “*Nhận hồi lộ*” với tình tiết định khung “*Lạm dụng chức vụ quyền hạn*” là hoàn toàn đúng người đúng tội đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo có thay đổi nội dung kháng cáo không kêu oan, bị cáo thừa nhận hành vi nhận tiền của ông H là sai nhưng lại không thừa nhận hành vi nhận hồi lộ và cho rằng bị cáo làm nghề giáo viên nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đề nghị HĐXX xem xét lại hành vi của bị cáo. HĐXX xét thấy bị cáo là hiệu trưởng trường cấp 3, thừa nhận hành vi nhận tiền của H là sai nhưng lại không thừa nhận đó là tiền hồi lộ, bị cáo cho rằng đó là tiền ông H trả nợ, nếu là tiền ông H trả nợ thì hoàn toàn đúng, tại sao bị cáo lại nhận là sai. Xét trong quá trình điều tra, truy tố xét xử bị cáo luôn thay đổi lời khai, quanh co chối cãi, không ăn năn hối cải nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội thật thà khai báo, ăn năn hối cải” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối với các tài liệu chứng cứ khác mà bị cáo giao nộp trong giai đoạn phúc thẩm để chứng minh bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong công tác, xét thấy đây chỉ là các giấy khen chứ không phải là huân huy chương, bằng khen, bằng lao động sáng tạo hoặc có sáng chế phát minh có giá trị lớn hoặc nhiều năm được công nhận chiến sĩ thi đua cơ sở như hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP. Vì vậy, bị cáo không được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng được xem xét áp dụng vào khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội Nhận hồi lộ là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, HĐXX không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo mà cần giữ nguyên mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên.

[4] Các Luật sư bào chữa cho bị cáo:

Các luật sư cho rằng quá trình điều tra cơ quan điều tra đã không thu giữ chiếc điện thoại mà ông H đã dùng để ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông H và ông N để giám định là không đảm bảo quy định về nguồn chứng cứ. HĐXX nhận định mặc dù cơ quan điều tra không thu giữ được nhưng quá trình điều tra bị cáo cũng đã thừa nhận nội dung cuộc nói chuyện mà ông H cung cấp đúng là cuộc nói chuyện giữa bị cáo và ông H. Kết luận giám định thể hiện không phát hiện dấu vết cắt ghép, sửa chữa trong mẫu cần giám định.

Đối với kết luận giám định mà các luật sư cho rằng đã vi phạm pháp luật giám định. Xét thấy tại Kết luận giám định số 4015/C54 ngày 07/10/2016 của Viện khoa học hình sự, tổng cục cảnh sát do Giám định viên Trần Quang Thành thực hiện để chứng minh các giọng nói trong các file ghi âm có phải của ông N và ông H không và xác định nội dung ghi âm bằng văn bản. Còn đối với Kết luận giám định số 2513/C09-P6 ngày 13/9/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an do Giám định viên Trần Quang Thành thực hiện đã kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép,

sửa chữa trong mẫu cần giám định. Như vậy, kết luận giám định số 2513/C09-P6 ngày 13/9/2019 là kết luận giám định bổ sung chứ không phải giám định lại nên việc các luật sư cho rằng giám định viên Trần Quang Thành đã giám định lần đầu nhưng vẫn tiến hành giám định lại là không có căn cứ.

Đối với quan điểm bào chữa của các luật sư cho rằng ông H là người chủ động đưa hối lộ, đủ yếu tố cấu thành tội “*Đưa hối lộ*” theo Điều 364 BLHS nhưng không bị xử lý là bỏ lọt tội phạm. Quá trình điều tra, ông Lê Thái H đã thừa nhận hành vi dùng lợi ích vật chất là tiền để đưa hối lộ cho Nguyễn Văn N nhằm mục đích được nghỉ dạy thời gian dài nhưng vẫn được hưởng nguyên lương, nên hành vi trên có dấu hiệu phạm tội “*Đưa hối lộ*” được quy định tại Điều 364 Bộ luật Hình sự. Theo quy định tại khoản 7 Điều 364 Bộ luật hình sự 2015: “*Người đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và được trả lại một phần hoặc toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ*”. Xét thấy ông Lê Thái H đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác được coi là không có tội hoặc có thể miễn trách nhiệm hình sự. Vì vậy, quan điểm của các luật sư đề nghị xử lý ông H về tội đưa hối lộ là không có căn cứ.

Đối với ý kiến của luật sư Quang đề nghị HĐXX áp điểm s, v khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Như đã nhận định ở mục [3], bị cáo không khai báo thành khẩn, còn chối cãi quanh co, tài liệu chứng minh thành tích xuất sắc trong công tác không đảm bảo nên không có căn cứ để chấp nhận quan điểm đề xuất của luật sư.

Đối với việc bị cáo có ý kiến một số bút lục trong hồ sơ có sửa chữa số bút lục, HĐXX nhận thấy, việc sửa chữa các bút lục từ 300 – 314; bút lục 317 – 384 là vi phạm quy trình đóng dấu và ghi bút lục hồ sơ. Tuy nhiên, không có căn cứ xác định việc hồ sơ vụ án bị thêm, bớt tài liệu, không làm ảnh hưởng tới quyền lợi của bị cáo cũng như việc giải quyết vụ án.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số **10/2022/HS-ST** ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 354, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 07 (bảy) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”.

[2] Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 5.000.000đồng (*Năm triệu đồng*) do phạm tội mà có; trả lại cho Nguyễn Văn N 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) không liên quan đến hành vi phạm tội, trong số tiền 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*) mà bị cáo N đã giao nộp tại Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Buôn Đôn, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/01/2018 giữa Cơ quan công an với Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC (Vụ GDKT 1)
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Buôn Đôn;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Công an huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Những người TGTT;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Tú